

**CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM TÍN NGHĨA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THỰC PHẨM TÍN NGHĨA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TIN NGHIA FOODS TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TIN NGHIA FOODS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703257131

**3. Ngày thành lập:** 24/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

224, Đông Ba, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0966761366

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất đường<br>Chi tiết: Sản xuất đường phèn và các loại đường khác.                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1072        |
| 2.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4610        |
| 3.  | Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ<br>(không hoạt động tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4631        |
| 4.  | Bán buôn thực phẩm<br>Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn đường các loại, khô các loại, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột; Bán buôn trứng và các sản phẩm từ trứng; Bán buôn dầu mỡ động thực vật; Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác; Bán buôn thực phẩm khác (không hoạt động tại trụ sở). | 4632(Chính) |
| 5.  | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết: Bán buôn đồ uống có cồn. Bán buôn đồ uống không có cồn. Bán buôn rượu, bia.                                                                                                                                                                                                                                          | 4633        |
| 6.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất. Bán buôn sách báo, tạp chí văn phòng phẩm. Bán buôn dụng cụ y tế, y khoa. Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh. Xuất khẩu, nhập khẩu, bán buôn thuốc. Bán buôn dược phẩm                | 4649        |
| 7.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị điện lạnh, máy nước nóng lạnh, máy năng lượng mặt trời. Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, y khoa. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu. | 4659 |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4661 |
| 10. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.                                                                                                                                                                                                                       | 4663 |
| 11. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669 |
| 12. | Bán buôn tổng hợp<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa; Ủy thác mua bán hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690 |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4711 |
| 14. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ nhiều loại hàng hóa trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng bách hóa (trừ siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi), bán nhiều loại hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                             | 4719 |
| 15. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4721 |
| 16. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đường các loại, khô các loại, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột và tinh bột; Bán lẻ trứng và các sản phẩm từ trứng; Bán lẻ dầu mỡ động thực vật; Bán lẻ hạt tiêu, gia vị khác; Bán lẻ thực phẩm khác.                                                                                                                                                                                                                                                 | 4722 |
| 17. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4723 |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4742 |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vật liệu, vật tư xây dựng; Bán lẻ tre, nứa gỗ cây, gỗ chế biến; Bán lẻ xi măng, thạch cao; Bán lẻ gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán lẻ kính xây dựng; Bán lẻ sơn, vécni; Bán lẻ gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán lẻ đồ ngũ kim; Bán lẻ ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su; Bán lẻ thiết bị vật tư ngành điện - nước.                                                                                                   | 4752 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện. Bán lẻ giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất.                                                                                                                                                                                                                                          | 4759 |
| 21. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ văn phòng phẩm.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4761 |
| 22. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4763 |
| 23. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4764 |
| 24. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; Bán lẻ nước hoa, nước thơm; Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác; Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...                                                                                                                                                                                  | 4772 |
| 25. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng. Bán lẻ máy móc, thiết bị điện lạnh, máy nước nóng lạnh, máy năng lượng mặt trời. Bán lẻ máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán lẻ máy móc, thiết bị văn phòng. Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày. Bán buôn lẻ cụ y tế, y khoa. Bán lẻ máy móc, thiết bị y tế, y khoa. | 4773 |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4789 |
| 27. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4791 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 29. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210 |
| 30. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Chi tiết: - Quán ăn uống. - Nhà hàng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5610 |
| 31. | Dịch vụ ăn uống khác<br>chi tiết: cung cấp dịch vụ ăn uống nhẹ (thức ăn nhanh) cho nhân viên văn phòng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5629 |
| 32. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Phục vụ đồ uống cà phê, sinh tố (trừ quán bar, quán giải khát có khiêu vũ).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5630 |
| 33. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn kế toán, tài chính, luật).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6619 |

|     |                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 34. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản | 6810 |
| 35. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn bất động sản. Môi giới bất động sản. | 6820 |
| 36. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe ô tô các loại.                                                             | 7710 |
| 37. | Dịch vụ đóng gói<br>(trừ đóng gói thuốc bảo quản thực vật).                                                                | 8292 |
| 38. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                  | 8230 |
| 39. | Hoạt động của các cơ sở thể thao<br>Chi tiết: Hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao (không hoạt động tại trụ sở).      | 9311 |

6. **Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức           | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN TÙNG  | Việt Nam  | 224, Đông Ba, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam     | 500.000.000           | 50,000    | 033084007282                                                                                            |         |
| 2   | VÕ PHI HẢI     | Việt Nam  | Tổ 7, ấp Mũi Lớn 1, Xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam | 500.000.000           | 50,000    | 080085004503                                                                                            |         |

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: PHẠM VĂN TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/02/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033084007282

Ngày cấp: 17/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 224, Đông Ba, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 224, Đông Ba, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương